VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92/2024/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ ĐỊNH
Về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; về cơ quan đăng ký kinh doanh; việc liên thông đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các nội dung khác liên quan đến việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ hợp tác thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đăng ký tổ hợp tác là việc đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của tổ hợp tác, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác và các nghiệp vụ có liên quan theo quy định tại Nghị định này.

2. Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc đăng ký nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác và các nghiệp vụ có liên quan theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.

3. Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã là hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để thực hiện công tác đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã là tập hợp dữ liệu về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc. Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã là một thành phần của Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã có giá trị pháp lý là thông tin gốc về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.

6. Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối chiếu với bản chính.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự kê khai hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ và các báo cáo.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm và chịu trách nhiệm thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xảy ra trước và sau khi đăng ký.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với tổ chức, cá nhân khác.

5. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị thực hiện các thủ tục đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trực thuộc chi nhánh thì người ký văn bản đề nghị thực hiện các thủ tục đối với địa điểm kinh doanh là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc người đứng đầu chi nhánh.

Điều 5. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương áp dụng thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù theo nghị quyết của Quốc hội thì cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gọi chung là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện

1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Hướng dẫn tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã; thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ

sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và theo yêu cầu của cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo nội dung trong hồ sơ đăng ký.

6. Yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.

7. Yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đáp ứng điều kiện theo quy định.

8. Thu hồi, khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; giải thể, chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện nghiệp vụ đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kết nối giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc kết nối giữa Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã nhằm cung cấp mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trao đổi thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh;

b) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra,

giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền của địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước theo phạm vi ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Bố trí đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

Điều 9. Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác được cấp cho tổ hợp tác. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được ghi trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã không phải là giấy phép kinh doanh.

Điều 10. Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

5. Các thông tin cá nhân được Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

a) Họ, chữ đệm và tên;

b) Ngày, tháng, năm sinh;

c) Số định danh cá nhân;

d) Giới tính;

đ) Dân tộc;

e) Quốc tịch;

g) Nơi thường trú;

h) Nơi ở hiện nay.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh có quyền khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn, bảo mật và được sao lưu dự phòng bảo đảm tính đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ cho phép truy cập, sử dụng khi cần thiết hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, tra soát, giải quyết khiếu nại và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan, tổ chức theo quy định.

Điều 11. Số lượng hồ sơ và ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không được yêu cầu người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.

3. Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt;

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;

c) Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 12. Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng

dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 13. Ghi ngành, nghề kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Khi đăng ký thành lập hoặc thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này, người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh ngay dưới ngành kinh tế cấp bốn nhưng phải bảo đảm ngành, nghề kinh doanh chi tiết của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với ngành kinh tế cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là ngành, nghề kinh doanh chi tiết đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 14. Mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc, mã số địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Mỗi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã số này đồng thời là mã số thuế của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi tổ hợp tác chấm dứt hoạt động, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể thì mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấm dứt hiệu lực. Trường hợp tổ hợp tác chấm dứt tồn tại do chuyển đổi thành hợp tác xã thì mã số tổ hợp tác không bị chấm dứt hiệu lực.

3. Mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tạo, gửi, nhận tự động bởi Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Việc tạo mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo quy trình sau:

a) Khi hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền thông tin đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế;

b) Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế nhận thông tin đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang và tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế.

Trường hợp thông tin phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động tạo mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thực hiện phân cấp cơ quan quản lý thuế quản lý đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đồng thời truyền các thông tin này sang Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp thông tin không phù hợp theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

c) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế cung cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và thông báo về cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp cho người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp theo quy định pháp luật về thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã số này đồng thời là mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện. Quy trình tạo mã số đơn vị phụ thuộc thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Mã số địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là dãy số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

6. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc, mã số địa điểm kinh doanh của hợp

tác xã, liên hiệp hợp tác xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước và trao đổi thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 15. Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được đăng ký tên riêng trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc, trừ những hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố phá sản.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên.

4. Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hành.

5. Trường hợp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 16. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số, các ký hiệu.

2. Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt

sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

3. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh.

Điều 17. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Tên riêng của tổ hợp tác đề nghị đăng ký được coi là trùng với tên riêng của tổ hợp tác khác đã đăng ký khi được viết hoàn toàn giống nhau, không phân biệt chữ hoa hay chữ thường, trừ những tổ hợp tác đã chấm dứt hoạt động.

Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký được coi là trùng với tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác đã đăng ký khi được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký, không phân biệt chữ hoa hay chữ thường.

2. Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký được coi là gây nhầm lẫn với tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký được đọc giống tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

b) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký bởi một số tự nhiên, một số thứ tự hoặc một chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ F, J, Z, W được viết liền hoặc cách ngay sau tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó;

c) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký bởi một ký hiệu “&” hoặc “và”, “.”, “,”, “+”, “-”, “_”;

d) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc từ “mới” được viết liền hoặc cách ngay sau hoặc trước tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

đ) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký bởi một cụm từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông”.

Điều 18. Xử lý đối với trường hợp tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được đặt tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đó. Trước khi đăng ký đặt tên, người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham khảo các nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã đăng ký và được lưu trữ tại cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu đặt tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

2. Việc xử lý tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ để xác định tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Kèm theo văn bản đề nghị của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp phải có bản sao các giấy tờ sau đây:

a) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

b) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp người yêu cầu là người được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định tại khoản này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu tổ hợp

tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại khoản này.

4. Trường hợp tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu thay đổi tên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm yêu cầu. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đăng ký thay đổi tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm để xử lý theo quy định.

5. Việc xử lý đối với trường hợp tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 19. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã theo phương thức nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và đăng ký qua dịch vụ bưu chính

1. Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và đính kèm lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

5. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế.

6. Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đăng ký không còn giá trị. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

7. Người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký khi hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là người ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo bằng văn bản cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 20. Cấp đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình dự phòng

1. Cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình dự phòng là việc cấp không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Việc cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình dự phòng được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;

b) Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoặc Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế gặp sự cố kỹ thuật;

c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

2. Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố hoặc xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo trước về thời gian dự kiến để cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện việc cấp đăng ký theo quy trình dự phòng, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình dự phòng giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy hoặc hình thức khác.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp hoặc khắc phục sự cố, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải cập nhật dữ liệu, thông tin đã cấp cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình dự phòng vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

Điều 21. Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đối với mỗi một bộ hồ sơ do tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp trong một thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

2. Nếu quá thời hạn trên mà cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không cấp đăng ký hoặc không ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thì người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 22. Phương thức thanh toán lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

3. Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

Điều 23. Xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo

1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo thì cá nhân, tổ chức liên quan gửi văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo hoặc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo.

Người đề nghị thu hồi có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 55 và khoản 2 Điều 64 Nghị định này.

2. Giấy tờ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo bao gồm:

a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;

b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo.

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 24. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xử lý các trường hợp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời thực hiện lại theo đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này.

2. Việc xử lý trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo được thực hiện theo quy định sau đây:

Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm

của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung

thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không nộp hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận

đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liền kề sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Điều 25. Chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Chuẩn hóa dữ liệu là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chịu trách nhiệm chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã. Thông tin được chuyển đổi, cập nhật, bổ sung vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã phải trùng khớp với thông tin tại hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trên cơ sở thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được chuyển đổi và lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký và tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối chiếu thông tin.

Trường hợp thông tin đăng ký và tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại thông báo chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm về tính

trung thực, chính xác của thông tin phản hồi tới cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

4. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo kế hoạch của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

Điều 26. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nếu thông tin nêu tại văn bản đề nghị là chính xác.

2. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

3. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính phải có bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm bổ sung,

hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phát hiện nội dung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã không có hoặc không chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

5. Việc hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin trên giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 27. Tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Các tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

1. "Tạm ngừng kinh doanh" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. "Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

3. "Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có nghị quyết chia, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập và đang làm thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

4. "Đang làm thủ tục phá sản" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản.

5. "Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về việc giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập theo quy định tại Luật Hợp tác xã.

6. "Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà qua công tác kiểm tra, xác minh của cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không tìm thấy hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý "Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

7. "Đang hoạt động" là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 28. Tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Các tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

1. "Tạm ngừng kinh doanh" là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. "Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế" là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

3. "Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động" là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

4. "Đã chấm dứt hoạt động" là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. "Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà qua công tác kiểm tra, xác minh của cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan không tìm thấy tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý "Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký" của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. "Đang hoạt động" là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 29. Công khai thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã miễn phí tại địa chỉ www.dangkykinhdoanh.gov.vn, bao gồm: tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; địa chỉ trụ sở của tổ hợp tác, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; ngành, nghề kinh doanh; tên người đại diện tổ hợp tác, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 30. Đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

1. Đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử là việc người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử.

Điều 31. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

1. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử có thể định dạng ".doc" hoặc ".docx" hoặc ".pdf".

3. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ;

c) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử được xác thực bằng chữ ký số của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hoặc người được người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký, hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử quy định tại điểm a khoản này.

4. Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Điều 32. Trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử sử dụng chữ ký số

1. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

2. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

3. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

4. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế.

5. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp đăng ký cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo trên môi trường điện tử cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

6. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định này.

Điều 33. Các trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý "Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký".

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý "Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký".

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

Chương II
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THÔNG BÁO ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 34. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Luật Hợp tác xã.

Điều 35. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Hợp tác xã.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đăng ký.

Điều 36. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. Hồ sơ thông báo địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo lập địa điểm kinh doanh.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Hồ sơ thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo.

Chương III
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Điều 37. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục với cơ

quan thuế liên quan đến việc chuyển địa chỉ trụ sở theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trình tự đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Hợp tác xã.

4. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 38. Đăng ký thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trình tự đăng ký thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Hợp tác xã.

3. Việc thay đổi tên không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 39. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) đồng thời là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là người mới được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn);

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;

d) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; Danh sách, bản sao hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài.

2. Trường hợp chỉ thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời đăng ký thay đổi các nội dung khác thì người ký hồ sơ là Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn).

4. Trình tự đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Hợp tác xã.

Điều 40. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi vốn điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Hợp tác xã, hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;

d) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Trình tự đăng ký thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Hợp tác xã.

Điều 41. Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh

1. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

2. Trình tự thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Hợp tác xã. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 42. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính.

2. Trình tự thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Hợp tác xã. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 43. Thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài

1. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi;

c) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Trình tự thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 48 Luật Hợp tác xã. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 44. Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Hồ sơ thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm thông báo về việc thành lập doanh nghiệp.

Khi nhận được hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Điều 45. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Khi thay đổi nội dung trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục về thuế với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi địa chỉ nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến.

4. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Khi nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc

tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 46. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trong hồ sơ đăng ký mà không thuộc các trường hợp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43 và 45 của Nghị định này thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận thông báo, xem xét cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cập nhật thông tin về địa chỉ khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương IV
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÔNG BÁO TẠM NGỪNG KINH DOANH, ĐĂNG KÝ GIẢI THỂ, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Điều 47. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh;

c) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.

3. Hồ sơ thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

4. Sau khi nhận hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc hợp tác

xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tiếp tục kinh doanh trở lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tình trạng pháp lý của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong tình trạng "Đang hoạt động" sang tình trạng "Tạm ngừng kinh doanh".

6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại đồng thời với thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời với tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

Điều 48. Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị cấp lại đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính hoặc nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét cấp lại trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 50. Đăng ký giải thể tự nguyện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật gửi đến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện như sau:

a) Đăng tải nghị quyết giải thể đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể, chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

c) Gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thông tin về việc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và hoàn thành nghĩa vụ về thuế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Báo cáo về việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể;

c) Quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;

d) Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của hội đồng thanh lý tài sản chung không chia trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.

3. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động đồng thời ra thông báo hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải

thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

6. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chưa chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, nếu không tiếp tục thực hiện giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể do người đại diện theo pháp luật ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế.

7. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm trả con dấu, giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định.

Điều 51. Đăng ký giải thể bắt buộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện như sau:

a) Đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế;

b) Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể; chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

c) Gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và hoàn thành nghĩa vụ về thuế, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký giải thể cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 50 Nghị định này.

3. Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động đồng thời ra thông báo hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

Điều 52. Chấm dứt tồn tại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập

1. Sau khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới được thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập sang tình trạng "Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập" và chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin cho cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác

xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan thuế về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện việc chấm dứt tồn tại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

3. Trước khi chấm dứt tồn tại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập thì tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập phải được chấm dứt hoạt động.

Điều 53. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 103 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế không phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này. Trường hợp này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng "Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế" trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

Điều 54. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, cơ quan thuế gửi thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình

trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

Điều 55. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án;

d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và cơ quan thuế thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

7. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.

Điều 56. Trình tự, thủ tục hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đồng thời khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan quản lý thuế đề nghị khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã do cưỡng chế nợ thuế.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi quyết định đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho cơ quan quản lý thuế, đăng tải thông báo, quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 57. Quy trình đăng tải quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh

cấp huyện đăng tải quyết định trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã phá sản.

3. Thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

Chương V
ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

Điều 58. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, người đại diện tổ hợp tác thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác;

b) Hợp đồng hợp tác;

c) Danh sách thành viên tổ hợp tác;

d) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định này. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và gửi thông báo về cơ quan thuế quản lý cho tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

3. Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh

doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 59. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;

b) Tên của tổ hợp tác được đặt theo đúng quy định;

c) Có hồ sơ đăng ký tổ hợp tác hợp lệ.

2. Tổ hợp tác có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp tổ hợp tác đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì tổ hợp tác được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đã đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

3. Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, tổ hợp tác gửi văn bản đề nghị cấp lại đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 60. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác

1. Người đại diện tổ hợp tác của tổ hợp tác đã đăng ký theo quy định tại Nghị định này có trách nhiệm đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một hoặc một số nội dung sau đây:

a) Tên tổ hợp tác;

b) Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác;

c) Ngành, nghề kinh doanh;

d) Tổng giá trị phần vốn góp;

đ) Người đại diện tổ hợp tác;

e) Thông tin đăng ký thuế.

2. Khi thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.

3. Khi tổ hợp tác thay đổi địa chỉ trụ sở, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác dự định chuyển đến. Trường hợp việc chuyển địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ hợp tác phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

4. Trường hợp thay đổi người đại diện tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi người đại diện;

c) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện mới của tổ hợp tác.

5. Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.

6. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm

xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại điểm c và điểm e khoản 1 Điều này nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Điều 61. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác

1. Việc đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác bao gồm giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 42 Luật Hợp xã. Trường hợp hợp tác xã được chuyển đổi từ tổ hợp tác có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ bao gồm giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 42 Luật Hợp xã kèm theo bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Tổ hợp tác chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm hợp tác xã chuyển đổi từ tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Hợp tác xã được chuyển đổi từ tổ hợp tác được giữ nguyên mã số của tổ hợp tác.

Điều 62. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác; tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Trường hợp tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại. Trường hợp tổ hợp tác có nhu

cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của tổ hợp tác bao gồm thông báo tạm ngừng kinh doanh và bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc tạm ngừng kinh doanh. Hồ sơ thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác bao gồm thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao giấy biên nhận hồ sơ cho tổ hợp tác. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại.

4. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, tổ hợp tác phải nộp đủ thuế, bảo hiểm xã hội còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ hợp tác kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ hợp tác bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 63. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, tổ hợp tác gửi biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc

chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác kèm theo phương án giải quyết nợ (nếu có) đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải đăng tải các giấy tờ này và thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan thuế. Tổ hợp tác thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ hợp tác, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác;

b) Quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;

c) Báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc tổ hợp tác đăng ký chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tổ hợp tác đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang

tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

5. Kết thúc thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

Điều 64. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo;

b) Theo quyết định của Tòa án;

c) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này theo quyết định của Tòa án.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, đồng thời ra thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của tổ hợp tác sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác đến trụ sở của tổ hợp tác, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý. Tổ hợp tác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 63 Nghị định này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được tiếp nhận và chưa được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tương ứng tại Nghị định này;

b) Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định này kèm theo giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định này;

c) Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh, thành phố

thuộc thành phố trực thuộc trung ương nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục đăng ký quy định tại điểm a khoản này trước khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi, thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì phải thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp tổ hợp tác có thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đã thông báo tới Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, tổ hợp tác có thể đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đồng thời với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong một bộ hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại Nghị định này. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định này.

4. Tổ hợp tác đã đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định này thì không phải thực hiện thủ tục thông báo tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.

5. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bàn giao hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển đổi dữ liệu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cung cấp thông tin tổ hợp tác thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được lưu trữ trong sổ theo dõi thành lập và hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để phục vụ việc chuyển đổi dữ liệu của tổ hợp tác tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này.

Điều 66. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 92/2024/NĐ-CP
Ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TT	Nội dung
Mẫu số 01	Thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã
Mẫu số 02	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã
Mẫu số 03	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã
Mẫu số 04	Thông báo về việc vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác
Mẫu số 05	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

Hướng dẫn cách ghi biểu mẫu:

1. Đối với các mẫu giấy dùng chung cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Ghi "liên hiệp hợp tác xã" thay cho "hợp tác xã" tại các vị trí tương ứng.

2. Phần cơ quan ban hành văn bản

- Dòng trên ghi: ỦY BAN NHÂN DÂN (tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương);

- Dòng dưới ghi: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH hoặc theo tên của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cụ thể tại địa phương.

Ví dụ:

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN… **PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH** Số: ……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày … tháng … năm …*

Mẫu số 01

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*…., ngày…tháng…năm…*

THÔNG BÁO
Về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện của hợp tác xã

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*
Địa chỉ trụ sở chính:
Mã số: *(Mã số hợp tác xã/ Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*

(Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

Căn cứ Văn bản kết luận/biên bản làm việc số …….. ngày …../…./….. của …….. về việc: ……. *(nếu có)*;

Căn cứ văn bản số … ngày …/…/… của … về việc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã (trường hợp thực hiện theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật, nếu có);

Căn cứ khác … *(nếu có)*

(*Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) thông báo nội dung vi phạm của hợp tác xã ……. như sau:

.....

.....

(Ghi cụ thể nội dung vi phạm tương ứng theo các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã theo quy định).

……. *(Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã trên Cổng* thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế.....
(quận, huyện nơi hợp tác xã đăng ký trụ sở);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:…… *(nếu có)*;
- Lưu: ……

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …..	*……, ngày … tháng … năm …*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

TRƯỞNG PHÒNG …

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số ..... ngày ..../...../..... của (Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, nếu có);

Căn cứ .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

Do[1]:

Ông/Bà *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Quốc tịch: .....

[1] Ghi thông tin của tất cả người đại điện theo pháp luật trong trường hợp hợp tác xã có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Số định danh cá nhân: /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): …… Ngày cấp: … Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh: .....

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện: .....

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh: .....

Nội dung phần cuối của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế:

Điều 2. *(Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày …../…../…..

2. Đối với trường hợp còn lại:

Điều 2. Hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại điện, địa điểm kinh doanh theo quy định.

Điều 3. *(Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã kèm theo Thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày …./..../….

Nơi nhận:
- Tên, địa chỉ của hợp tác xã bị thu hồi GCNĐKHTX;
- Cơ quan quản lý thuế … *(quận, huyện nơi hợp tác xã đăng ký trụ sở)*;
- …….;
- Lưu: …..

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……, ngày … tháng … năm …*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/ văn phòng đại diện của hợp tác xã

TRƯỞNG PHÒNG …

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ../../2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số ..... ngày ..../...../..... của (Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, nếu có);

Căn cứ .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*): .....

Ngày cấp: ……/ ……/ ……Nơi cấp: .....

Là chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

Do[1]:

Ông/Bà *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ..... / ..... / .....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): …… Ngày cấp: … Nơi cấp: ……

Địa chỉ liên lạc: .....

Là người đại diện theo pháp luật.

Nội dung phần cuối của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày …../…../…..

2. Đối với trường hợp còn lại:

Điều 2. Hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện theo quy định.

Điều 3. *(Tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện kèm theo Thông báo chi nhánh/văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày …../…./….

Nơi nhận:
- Tên, địa chỉ của hợp tác xã bị thu hồi GCNĐKHĐ CN/VPĐD;
- Cơ quan quản lý thuế … *(quận, huyện nơi hợp tác xã đăng ký địa chỉ CN/VPĐD)*;
- …….;
- Lưu: …..

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

[1] Ghi thông tin của tất cả người đại điện theo pháp luật trong trường hợp hợp tác xã có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Mẫu số 04

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*…., ngày…tháng…năm…*

THÔNG BÁO
Về việc vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

Kính gửi: *(Tên tổ hợp tác)*
Địa chỉ trụ sở:
Mã số tổ hợp tác: *(Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế)*

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện): .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số ……. ngày ……/……./…… của …….. về việc: ……. *(nếu có)*;

Căn cứ văn bản số … ngày …/…/… của … về việc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác *(trường hợp thực hiện theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật, nếu có)*;

Căn cứ khác … *(nếu có)*

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) thông báo nội dung vi phạm của tổ hợp tác …… như sau:

.....

.....

(Ghi cụ thể nội dung vi phạm tương ứng theo các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quy định).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế.....
(quận, huyện nơi tổ hợp tác đăng ký địa chỉ);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:…… *(nếu có)*;
- Lưu: ……

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

TRƯỞNG PHÒNG …

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày .../.../2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, tổ hợp tác, liên hiệp tổ hợp tác;

Căn cứ Thông báo số ..... ngày ..../...../..... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) về việc vi phạm của tổ hợp tác thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, nếu có);

Căn cứ .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau:

Tên tổ hợp tác *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

Đại diện tổ hợp tác:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:

Họ, chữ đệm và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../..... / .....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): …… Ngày cấp: … Nơi cấp: ……

Địa chỉ liên lạc: .....

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: …/…/… Nơi cấp: .....

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Họ, chữ đệm và tên *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ..... / ..... / .....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): …… Ngày cấp: … Nơi cấp: ……

Địa chỉ liên lạc: .....

Nội dung phần cuối của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế:

Điều 2. *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày …./..../…..

2. Đối với trường hợp còn lại:

Điều 2. Tổ hợp tác có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác theo quy định.

Điều 3. *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác kèm theo Thông báo tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày …../…./…..

Nơi nhận:
- Tên, địa chỉ của tổ hợp tác bị thu hồi GCNĐKTHT;
- Cơ quan quản lý thuế … *(quận, huyện nơi tổ hợp tác đăng ký địa chỉ)*;
- …….;
- Lưu: …..

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)